

# VĂN BẢN VĂN HỌC

(1 tiết)

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được khái niệm văn bản văn học và các đặc điểm của văn bản văn học về mặt ngôn từ, hình tượng.
- Bắt đầu biết vận dụng kiến thức trên để đọc - hiểu văn bản văn học.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

**1. Về khái niệm văn bản văn học.** Trả lời câu hỏi "Văn bản văn học (nghệ thuật) là gì?", nó khác với các văn bản không phải văn học như thế nào là một việc không dễ, cách trả lời cũng rất khác nhau. Tạm thời SGK chưa đi sâu vào vấn đề này. Trước hết, hãy xác định một khái niệm *văn bản văn học* chung nhất. Theo quan điểm có từ lâu đời, người ta phân biệt văn bản văn học theo hai nghĩa rộng

và hẹp. Theo nghĩa rộng, văn bản văn học là các loại văn bản ngôn từ, trong đó ngôn từ được sử dụng một cách nghệ thuật, tức là có nhịp điệu, có hình ảnh, chức năng biểu cảm. Theo nghĩa hẹp, văn bản văn học là sản phẩm sáng tạo bằng hứa câu, tưởng tượng như thơ ca, phú, tiểu thuyết, kịch,...

Ranh giới phân biệt giữa văn bản văn học theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp có tính cách tương đối. Thời trung đại, do "văn, sử, triết bất phân", ranh giới đó còn chưa rõ rệt; đến thời cận, hiện đại thì đã rõ ràng. Mặt khác, ranh giới đó cũng biến động. Cái mà thời trước coi là văn học, thời sau lại được thừa nhận. Ví dụ trong bảng phân loại văn học của người trung đại, chưa có vị trí cho tiểu thuyết. Cho đến nay, đặc trưng của thể kí, tạp văn, tản văn cũng vẫn nằm trên ranh giới giữa văn học và báo chí.

Trong Chương trình Ngữ văn THPT, khái niệm *văn bản văn học* vừa hiểu theo nghĩa rộng, vừa hiểu theo nghĩa hẹp để phản ánh sự đa dạng của văn bản. Tuy nhiên, ở bài lí luận văn học này chỉ xét văn bản văn học theo nghĩa hẹp, vì nó có đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật và thẩm mĩ, có thể giúp hiểu văn bản văn học theo nghĩa rộng.

**2.** Trong Chương trình Ngữ văn THPT, khái niệm văn bản văn học có một ý nghĩa cơ bản, vì nó chỉ ra đối tượng chủ yếu của hoạt động đọc - hiểu của HS.

**3.** Trước đây người ta thường đồng nhất khái niệm "văn bản" với khái niệm "tác phẩm văn học". Nay theo quan niệm lí luận của M. Ba-kho-tin, Iu. Lốt-man, Iu. Bô-rép,... thì sự phân biệt giữa văn bản văn học với tác phẩm văn học như sau :

– *Văn bản văn học* là sự hiện diện bằng văn tự (ngôn từ) của tác phẩm, là phương diện kí hiệu của tác phẩm. Thông qua hoạt động đọc của người đọc (như nhận ra kí hiệu và nghĩa, "cụ thể hoá" các chi tiết, tiếp nhận, lý giải tư tưởng), văn bản văn học mới chuyển thành khách thể thẩm mĩ, đó là tác phẩm trong tâm trí người đọc. Nhưng tác phẩm văn học không đơn giản là sản phẩm của hoạt động tâm lí có tính cá nhân của người đọc, mà là sự thống nhất hữu cơ giữa văn bản, tiếp nhận và ngữ cảnh. Khi HS chưa đọc - hiểu, văn bản chỉ là văn bản. Khi đã hiểu rồi, văn bản biến thành tác phẩm, mang cách cảm, cách hiểu, ngữ cảnh của người đọc.

– *Văn bản văn học* có ngôn từ, kết cấu, hình tượng là phần ít biến đổi, làm thành giá trị ổn định của nó. Tác phẩm văn học với tư cách là khách thể thẩm mĩ,

ngoài phần văn bản còn bao hàm cả ngữ cảnh và sự lí giải của người đọc. Do đó, theo lí thuyết tiếp nhận, tác phẩm văn học có sự biến thiên theo lịch sử.

#### 4. Đặc điểm về ngôn từ và hình tượng

a) Đặc điểm đầu tiên của ngôn từ văn học là tính nghệ thuật và thẩm mĩ. Tính nghệ thuật thể hiện ở chỗ ngôn từ văn học là sản phẩm sáng tạo theo các tiêu chí hình tượng và thẩm mĩ : có vần, nhịp, bằng trắc xen nhau, có cách lựa chọn và sắp xếp khác với ngôn ngữ hằng ngày. Người ta thường nói ngôn từ văn học có "tính lị hoá" chính là nói đặc điểm này. Tính thẩm mĩ thể hiện ở vẻ đẹp và sự hấp dẫn của hình tượng, biểu hiện được cảm xúc, tư tưởng của con người.

Đặc điểm thứ hai cũng gắn liền với đặc điểm thứ nhất. Ngôn từ văn học dùng để sáng tạo hình tượng, tức là nói tới một thế giới tưởng tượng. Vì thế, ngôn từ nghệ thuật có tính chất hư cấu, chứ không có giá trị thông tin như báo chí. Nó chủ yếu chỉ có chức năng gợi ra hình tượng trong tâm trí người đọc.

Lí thuyết phản ánh thừa nhận văn học phản ánh hiện thực, nhưng luôn luôn phân biệt hiện thực – *cái được phản ánh* và nghệ thuật – *cái phản ánh*. Đồng nhất hai yếu tố này với nhau tức là phủ nhận sáng tạo nghệ thuật. Ví dụ, bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan không nhằm thông báo cái đèo địa lí ở bắc Quảng Bình mà gợi ra cái đèo trong tâm tưởng của nhà thơ, gắn với cảm xúc, tình cảm của bà. Cái Đèo Ngang này mới quan trọng, vì nó là biểu tượng cho cảm xúc của nhà thơ trước sự biến thiên của lịch sử. Cũng vậy, hai chữ "trâu hôi" (trong bài *Mời trâu* của Hồ Xuân Hương) không nhằm thông báo loại trâu gì, mà chỉ nêu một tên trâu nghe không đẹp, thể hiện thái độ của nữ sĩ khi "mời trâu".

Đặc điểm thứ ba là ngôn từ văn học có tính biểu tượng và đa nghĩa. SGK đã nói rõ vấn đề này. Ở đây bổ sung một vài điểm.

Về tính biểu tượng : để trở thành biểu tượng trong văn học, một từ, cụm từ, chi tiết,... tự nó phải có ý nghĩa biểu vật (như *cỏ, hoa, trúc, tùng, nắng, mưa, xuân, thu,...*). Do quan hệ liên tưởng và khái quát mà ý nghĩa biểu vật trở thành biểu tượng. Nhưng trong văn học, người ta chủ yếu sử dụng ý nghĩa biểu tượng. Ví dụ : "Áo anh rách vai" trong bài *Đồng chí* của Chính Hữu có ý nghĩa biểu tượng, chỉ sự thiếu thốn về vật chất của người lính.

Về tính đa nghĩa : trong ngôn ngữ, từ ngữ vốn có tính đa nghĩa. Ví dụ từ *cổ* trong *Từ điển tiếng Việt* có nhiều nghĩa như *cổ của con người, cổ áo, cổ chày,...*

nhưng khi sử dụng, tuỳ theo văn cảnh (ngữ cảnh) mà từ ngữ ấy sẽ có một nghĩa xác định (đơn nghĩa). Trong văn học thì khác, trong văn cảnh cụ thể, một từ lại bao hàm nhiều nghĩa. Tất nhiên, trong văn học không phải từ nào cũng đa nghĩa, nhưng ở những vị trí then chốt, thì ngôn từ thường có tính đa nghĩa để gia tăng sức biểu hiện.

Tính đa nghĩa của ngôn từ văn học biểu hiện rõ nhất trong thơ ca do nó có khả năng khơi gợi liên tưởng, mở rộng nội dung biểu hiện. Trong bài thơ *Dường sang nước bạn* của Tố Hữu có câu : "Mặt trời lên nắng chói lụng đồi", từ *mặt trời* ở đây vừa chỉ một cảnh sắc thiên nhiên vừa chỉ ánh sáng của thời đại. Ở câu ca dao : "Bao giờ cho đến tháng ba - Éch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng" thì *éch* và *rắn* chắc chắn không chỉ là éch và rắn, mà đặt trong thế nói ngược của toàn bài, còn chỉ nhiều sự vật trong quan hệ đối lập tương tự,... "Tính đa nghĩa là điều kiện để văn bản văn học hoạt động một cách thẩm mĩ" (Iu. Lốt-man).

b) *Hình tượng văn học* là khái niệm quen thuộc với GV, nhưng ở đây lưu ý một số khía cạnh mới :

– Hình tượng văn học là thế giới đời sống do ngôn từ gợi lên trong tâm trí. Cách nói này nêu một số khía cạnh khác với cách nói hình tượng là bức tranh hiện thực. Nói là bức tranh hiện thực thì người ta liên hệ ngay với hiện thực, coi nhẹ đặc điểm ngôn từ ; còn nói thế giới do ngôn từ gợi nên thì người ta phải khai thác ngôn từ để nắm bắt hình tượng, cho dù hình tượng "không phù hợp" với hiện thực.

– Hình tượng văn học là phương tiện giao tiếp đặc thù, là phương tiện truyền cảm, biểu đạt ý nghĩa nhằm giao lưu giữa người và người. Với ý nghĩa này, hình tượng không giản đơn chỉ là sự phản ánh của đời sống, mà còn là hệ thống ngôn ngữ – hệ thống kí hiệu có giá trị biểu đạt nội dung tư tưởng, thẩm mĩ.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phân mảng

Các tác phẩm văn học đều thể hiện thành văn bản, đó là văn bản văn học. Muốn đọc - hiểu văn bản văn học thì việc đầu tiên là tìm hiểu đặc điểm của nó. Ở tiết học này, HS cần nắm vững khái niệm văn bản (nghĩa rộng và nghĩa hẹp), đặc điểm về ngôn từ và hình tượng văn học. Nhìn bề ngoài văn bản văn học có vẻ giống các văn bản khác, nhưng đi sâu tìm hiểu mới thấy nó khác rất nhiều, bởi đó là văn bản nghệ thuật.

## 2. Phân tổ chức dạy học

Tiết học này bao gồm hai nội dung và phân luyện tập củng cố. Hai nội dung đó là : khái niệm văn bản văn học và đặc điểm của văn bản văn học.

### a) Về khái niệm văn bản văn học

GV cho HS thấy trong SGK *Ngữ văn* từ THCS đến THPT đã cung cấp các văn bản như :

Nhóm 1 :

- *Chiếu dời đô* của Lí Công Uẩn
- *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn
- *Ý nghĩa văn chương* của Hoài Thanh

...

Nhóm 2 :

- *Đòn Ki-hô-tê* của Xéc-van-tết
- *Dế Mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài
- *Lão Hạc* của Nam Cao
- *Viếng lăng Bác* của Viên Phương

...

Theo nghĩa rộng, ta có thể gọi văn bản của hai nhóm 1 và 2 là văn bản văn học, vì ngôn từ của chúng đều có hình ảnh, có tính biểu cảm và như vậy là có tính nghệ thuật. Nhưng theo nghĩa hẹp thì chỉ có nhóm 2 mới thực sự là văn bản văn học, vì văn bản nhóm này có hình tượng nghệ thuật được sáng tạo bằng tưởng tượng, hư cấu.

Nhóm 1, ngôn từ cũng có nhịp điệu, hình ảnh biểu cảm và có khi có hình tượng. Ví dụ, *Chiếu dời đô* viết : "Ở đó địa thế vừa rộng vừa phẳng, đất vừa cao vừa sáng, dân cư không lo nạn lụt lội, đầm đuối, muôn vật cũng rất phong phú tốt tươi" là có nhịp điệu ; *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn viết : "Ta thường tối bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa ; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng" là có hình tượng. Cả hai văn bản đều thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của hai nhân vật lịch sử Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn. Hai tác giả này không phải là nhân vật hư cấu !

Ở nhóm 2, hình tượng Đôn Ki-hô-tê, Dế Mèn, lão Hạc đều là hình tượng hư cấu. Người kể chuyện trong các văn bản ấy cũng là sản phẩm của hư cấu, không thể đồng nhất với tác giả. Bài thơ của Viễn Phương thể hiện tình cảm chân thật của nhà thơ, nhưng "cái tôi" trữ tình trong bài không đồng nhất với bản thân tác giả, bởi "cái tôi" trữ tình này là một hình tượng trong bài thơ do tác giả sáng tạo ra. Do đó, chỉ nhóm 2 mới thực sự là văn học nghệ thuật, là văn bản văn học theo nghĩa hẹp. Bài này tìm hiểu đặc điểm của văn bản văn học theo nghĩa hẹp.

b) Về đặc điểm của văn bản văn học

- *Đặc điểm về ngôn từ*

+ Tính nghệ thuật và thẩm mĩ

GV cho HS đọc bài ca dao *Bảy giờ mận mới hỏi dào*, sau đó nêu câu hỏi : Ngôn từ bài ca dao có gì đặc biệt ? Bài ca dao thể hiện hình ảnh gì ? GV gợi ý cho HS thấy bài ca dao viết bằng văn vần, có nhịp điệu, hình ảnh ẩn dụ. Từ đó rút ra : tính nghệ thuật của bài ca dao thể hiện ở chỗ sắp xếp theo vần, nhịp, có hình ảnh ẩn dụ ; tính thẩm mĩ của ngôn từ có được do thoát khỏi tính thực dụng trực tiếp, tạo ra được vẻ đẹp hấp dẫn, ý nhị, gợi cảm.

+ Tính hình tượng

Để HS hiểu tính hình tượng của ngôn từ, GV nêu câu hỏi : Trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*, Dế Mèn tự kể chuyện đời mình, vậy ngôn từ đó có thật là của Dế Mèn hay không ? Tất nhiên, ngôn từ đó là sản phẩm do nhà văn tưởng tượng mình là Dế Mèn mà viết ra. GV hỏi tiếp : Người tự xưng là "thiếp" trong *Chinh phụ ngâm* (đoạn trích *Sau phút chia li*, SGK Ngữ văn 7) có phải do một "thiếp" thật viết ra hay do tác giả tưởng tượng ra ? Nhân vật "con" trong bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương có phải là hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ không ? Có thể đồng nhất nhân vật trữ tình ở đây với tác giả Viễn Phương hay không ? Từ cách trả lời của HS, với sự gợi ý của GV, có thể kết luận : Ngôn từ văn học có tính hình tượng, do trí tưởng tượng của nhà văn tạo ra.

+ Tính biểu tượng và đa nghĩa

GV cho HS đọc đoạn thơ trong bài *Ta đi tới* của Tố Hữu và đoạn phân tích rồi đặt câu hỏi : Ngôn từ này có điểm gì khác với ngôn từ trong đời sống ? Hàng ngày ta thường dùng từ ngữ để chỉ các đối tượng xác định. Khi ta nói : "Mẹ ơi cho con đi học", "Mẹ ơi đóng học phí cho con", "Mẹ ơi mua cho con bộ quần áo mới",...

thì *mẹ* và *con* đều là những đối tượng được xác định cụ thể. Còn *mẹ* trong bài *Ta đi tối đã mang ý nghĩa biểu tượng*. GV cho HS thấy ngôn từ hằng ngày thiên về tính thực dụng (chỉ ra những đối tượng cụ thể) khác với ngôn từ văn học mang tính biểu tượng. Từ sự phân tích trên có thể kết luận : Ngôn từ văn học có tính biểu tượng.

GV cho HS đọc câu thơ của Nguyễn Du và hỏi nghĩa của các từ *trăng, ai, xe* có phải là đa nghĩa không và phân tích cho HS thấy. GV cũng ôn lại câu kết trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu để xác nhận tính đa nghĩa của chúng. Kết luận : Tính biểu tượng, tính đa nghĩa làm cho văn thơ có sức ám ảnh, khiến đọc đi đọc lại nhiều lần vẫn hấp dẫn.

#### *- Đặc điểm về hình tượng*

+ Hình tượng là thế giới đời sống do ngôn từ gợi lên, cho nên nó là hình tượng nghệ thuật. GV có thể chọn một đoạn thơ văn miêu tả chân dung nhân vật để đọc lên cho HS thấy. (Ví dụ, chân dung Thuý Vân, Thuý Kiều, Từ Hải,... những chân dung thuần tuý do câu chữ tạo nên). Ta gọi đó là hình tượng ngôn từ. Hình tượng là thế giới đời sống nên bao gồm cả con người, cảnh vật, cảm xúc,...

+ Hình tượng là phương tiện giao tiếp đặc biệt. Hình tượng văn học là một thông điệp để nhà văn biểu hiện tư tưởng, tình cảm. GV cho HS đọc lại bài ca dao *Bây giờ mận mới hỏi đào* và nêu câu hỏi : Đó có phải là lời thơ tỏ tình không. GV lại cho HS đọc bài *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương và hỏi : Đây có phải là thông điệp về tình yêu đối với lãnh tụ không. Sau khi trao đổi, đi đến kết luận : Hình tượng là phương tiện giao tiếp. GV có thể đọc một câu ca dao hay một bài thơ ngắn khác và yêu cầu HS trả lời về tính chất thông điệp của nó.

### **3. Gợi ý phần Luyện tập**

GV hướng dẫn HS làm bài luyện tập để củng cố bài học.

**Bài tập 1.** GV chia đôi bảng, một bên là văn bản văn học theo nghĩa rộng, một bên là văn bản văn học theo nghĩa hẹp, cho HS điền vào, rồi điều chỉnh nếu HS nêu nhầm. Sau khi có bảng ghi, nêu câu hỏi về sự giống nhau và khác nhau của chúng (Giống : ngôn từ của hai loại văn bản đều có tính nghệ thuật. Khác : văn bản văn học có hình tượng hư cấu). Lưu ý, sự phân biệt này không hoàn toàn tuyệt đối.

**Bài tập 2.** Phân tích tính nghệ thuật và tính thẩm mĩ :

a) Đoạn trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Đây là đoạn thơ tả cảnh. Cách tả từ gần đến xa, phong cảnh hiện ra dần dần. Đó là tính nghệ thuật. Vẻ đẹp của cảnh chiêu tà, cảnh vật trong trẻo gợi sự quyến luyến. Đó là tính thẩm mĩ.

b) Phân tích đoạn trích tác phẩm *Làng* của Kim Lân :

Câu "trời xanh lồng lộng [...] oi ả" tả cảnh nắng trưa, tương phản với hình ảnh "ông Hai đi nghênh ngang giữa đường vắng". Ông lão vui quên cả nắng trưa ! Ông tưởng mọi người đều suy nghĩ như ông ! Cách tạo hoàn cảnh tương phản như thế là nghệ thuật miêu tả. Xây dựng được hình tượng người nông dân yêu làng của mình đến như thế là rất thú vị. Đó là tính thẩm mĩ.

**Bài tập 3.** Phân tích ý nghĩa biểu tượng :

– "Nước mặn đong chua", "đất cày lên sỏi đá" : biểu tượng của quê nghèo nói chung.

– "Súng bên súng, đầu sát bên đầu", "Đêm rét chung chǎn" : biểu tượng của cái chung, của cuộc sống chung gắn bó những người đồng đội vốn xa lạ.

– "Người xa lạ", "Tự phương trời chảng hẹn quen nhau" : biểu tượng của sự khác biệt, được dùng để khẳng định cái chung "đồng chí", vượt lên trên mọi khác biệt !

**Bài tập 4.** Củng cố lại khái niệm hình tượng. Nhắc lại đặc điểm về ngôn từ và phân tích hai ví dụ để thấy đặc điểm của hình tượng văn học ; hình tượng văn học là phương tiện giao tiếp.

**Bài tập 5.** Đây là câu hỏi củng cố. GV cần nhấn mạnh : chức năng của hình tượng không phải chỉ là nhằm gợi nhớ một vài hiện tượng đời sống, mà còn gửi gắm, truyền đạt tư tưởng, tình cảm từ nhà văn tới người đọc.

#### 4. Phân cung cố

Ngôn từ và hình tượng trong văn bản văn học có những đặc điểm làm nên tính nghệ thuật và thẩm mĩ của văn bản văn học. Ngôn từ được tổ chức đặc biệt, có tính biểu tượng, tính đa nghĩa ; hình tượng là sản phẩm của sáng tạo, hư cấu và là phương tiện giao tiếp đặc thù.